

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm (từ tháng .../... đến tháng .../....)

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

Tờ khai quyết toán thuế kèm theo hồ sơ giảm thuế do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo: ☐

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế: -

[14] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

[15] Tên tổ chức trả thu nhập:

[16] Mã số thuế: -

[17] Địa chỉ:

[18] Quận/huyện: [19] Tỉnh/thành phố:

ST T	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền/Số người
1	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trong kỳ [20]=[21]+[23]	[20]	VNĐ	
	a Tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam	[21]	VNĐ	
	Trong đó tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam được miễn giảm theo Hiệp định (nếu có)	[22]	VNĐ	
	b Tổng TNCT phát sinh ngoài Việt Nam	[23]	VNĐ	
2	Số người phụ thuộc	[24]	Người	
3	Các khoản giảm trừ ([25]=[26]+[27]+[28]+[29]+[30])	[25]	VNĐ	
	a Cho bản thân cá nhân	[26]	VNĐ	
	b Cho những người phụ thuộc được giảm trừ	[27]	VNĐ	

	c	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	[28]	VNĐ	
	d	Các khoản đóng bảo hiểm được trừ	[29]	VNĐ	
	e	Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ	[30]	VNĐ	
4	Tổng thu nhập tính thuế ([31]=[20]-[22]-[25])		[31]	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) phát sinh trong kỳ		[32]	VNĐ	
6	Tổng số thuế đã nộp trong kỳ ([33]=[34]+[35]+[36]-[37]-[38]) Trong đó:		[33]	VNĐ	
	a	Số thuế đã khấu trừ tại tổ chức trả thu nhập	[34]	VNĐ	
	b	Số thuế đã nộp trong năm không qua tổ chức trả thu nhập	[35]	VNĐ	
	c	Số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ (nếu có)	[36]	VNĐ	
	d	Số thuế đã khấu trừ, đã nộp ở nước ngoài trùng do quyết toán văt năm	[37]	VNĐ	
	đ	Số thuế đã nộp trong năm không qua tổ chức trả thu nhập trùng do quyết toán văt năm	[38]	VNĐ	
7	Tổng số thuế TNCN được giảm trong kỳ [39]=[40]+[41]		[39]	VNĐ	
	a	Số thuế phải nộp trùng do quyết toán văt năm	[40]	VNĐ	
	b	Tổng số thuế TNCN được giảm khác	[41]	VNĐ	
8	Tổng số thuế còn phải nộp trong kỳ [42]=([32]-[33]-[39])>0		[42]	VNĐ	
9	Số thuế được miễn do cá nhân có số tiền thuế phải nộp sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống (0<[42]<=50.000 đồng)		[43]	VNĐ	
10	Tổng số thuế nộp thừa trong kỳ [44]=([32]-[33]-[39]) <0		[44]	VNĐ	
11	a	Tổng số thuế đề nghị hoàn trả [45]=[46]+[47]	[45]	VNĐ	
		Trong đó:	Số thuế hoàn trả cho người nộp thuế	[46]	VNĐ
			Số thuế bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác	[47]	VNĐ
	b	Tổng số thuế bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau [48]=[44]-[45]		[48]	VNĐ

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn trả vào tài khoản của người nộp thuế tại chỉ tiêu [46] thì ghi thêm các thông tin sau:>

Số tiền hoàn trả: Bằng số: đồng.

Hình thức hoàn trả:

☐ Chuyển khoản: Tên chủ tài khoản.....

Tài khoản số:.....Tại Ngân hàng/KBNN:.....

☐ Tiền mặt:

Tên người nhận tiền:

CMND/CCCD/HC số: Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác tại chỉ tiêu [47] thì ghi thêm các thông tin sau:>

Khoản nợ, khoản thu phát sinh đề nghị được bù trừ:

Đơn vị tiền.....

ST T	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh										Số tiền còn phải nộp đề nghị bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ
	MS T của NN T khá c (nếu có)	Tên NN T khá c (nếu có)	Mã định danh khoả n phải nộp (ID) (nếu có)	Nội dung khoản nợ/phát sinh	Chương	Tiê u mục	Tên CQT quản lý khoả n thu	Địa bàn hành chính	Hạ n nộp	Số tiền còn phả i nộp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (11) - (12)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)